

Bản án số : 74/2023/DS-ST

Ngày : 26/9/2023

V/v : “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

2/- Bà Đặng Thị N Hằng

Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thủy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhận dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa :* Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3,
Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
961/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử sơ thẩm số 111/2023/QĐXX-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 302B ngày 07/9/2023 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: 130 Đường P, Phường Y, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có bà Lương Thị M- đại diện theo Giấy ủy quyền số 49-20/QĐ-DAB-
PNN ngày 22/9/2020 (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Nữ Tuyết M,

Địa chỉ: 388C Đường CMT, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/9/2020; Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi
kiện ngày 13/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân
hàng TMCP Đ có bà Lương Thị M đại diện theo ủy quyền trình bày :
ông Trần T N có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ, tổng hạn mức cấp
tín dụng là 35.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, mục đích tiêu dùng.
Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên
Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn từ ngày 12/9/2017. Ngày
13/11/2017 ông N chết (có trích lục khai tử ngày 16/11/2017). Tính đến ngày
15/3/2023 ông N còn nợ số tiền gốc 8.400.000 đồng, lãi trong hạn 350.000 đồng,
lãi quá hạn 6.835.500 đồng.

Căn cứ vào Công văn số 2181/BHXX-CD ngày 03/01/2020 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thanh N đã được BHXH Thành phố giải quyết cho bà Phạm Thị Nữ Tuyết M (là vợ ông N) cư trú tại 384/1 Đường CMT, Phường X, Quận Y hưởng chế độ tuất theo quyết định số 79 TT1L04066/QĐ-BHXX ngày 28/12/2017, tổng số tiền hưởng trợ cấp tuất một lần là 123.097.792 đồng.

Do bà M đã được nhận số tiền trợ cấp tuất nêu trên nên Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Nữ Tuyết M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ của ông Nguyễn Thanh N tạm tính đến ngày 15/3/2023 là 15.585.500 đồng, trong đó tiền gốc 8.400.000 đồng, lãi trong hạn 350.000 đồng, lãi quá hạn 6.835.500 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Nữ Tuyết M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có bà Lương Thị M đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Phạm Thị Nữ Tuyết M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ của ông Nguyễn Thanh N tạm tính đến ngày 26/9/2023 là 15.845.229 đồng, trong đó gồm nợ gốc 8.400.000 đồng, lãi trong hạn 350.000 đồng, lãi quá hạn 7.095.229 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

Bị đơn bà Phạm Thị Nữ Tuyết M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến : Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Xét yêu cầu của nguyên đơn không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền : nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện buộc bà Phạm Thị Nữ Tuyết M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ của ông Nguyễn Thanh N (đã chết) do ông Nguyễn Thanh N đã được BHXH Thành phố giải quyết cho bà Phạm Thị Nữ Tuyết M (là vợ ông N) hưởng chế độ tuất theo quyết định số 79 TT1L04066/QĐ-BHXX ngày 28/12/2017, tổng số tiền hưởng trợ cấp tuất một lần là 123.097.792 đồng; Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” được quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự; đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Do bị đơn bà Phạm Thị Nữ Tuyết M cư trú tại Quận 3 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Phạm Thị Nữ Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Buộc bà Phạm Thị Nữ Tuyết M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ của ông Nguyễn Thanh N do đã được BHXH Thành phố giải quyết cho bà Phạm Thị Nữ Tuyết M (là vợ ông N) hưởng chế độ tuất theo quyết định số 79 TT1L04066/QĐ-BHXH ngày 28/12/2017, tổng số tiền hưởng trợ cấp tuất một lần là 123.097.792 đồng; tạm tính đến ngày 26/7/2023 ông N còn nợ số tiền 15.845.229 đồng, trong đó gồm nợ gốc 8.400.000 đồng, lãi trong hạn 350.000 đồng, lãi quá hạn 7.095.229 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 615 Bộ luật dân sự quy định “...1. *Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...*”. Do ông N đã chết và đã được BHXH Thành phố giải quyết cho bà Phạm Thị Nữ Tuyết M (là vợ ông N) hưởng chế độ tuất theo quyết định số 79 TT1L04066/QĐ-BHXH ngày 28/12/2017, tổng số tiền hưởng trợ cấp tuất một lần là 123.097.792 đồng; ngoài ra nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định di sản do ông N để lại. Do đó, nguyên đơn xác định người bị kiện bà Phạm Thị Nữ Tuyết M là có cơ sở.

Tuy nhiên, căn cứ Điều 612 Bộ luật dân sự : “ *Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác*”; tại khoản 1, Điều 3 Luật bảo hiểm xã hội quy định : “...1. *Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội...*”; ngoài ra tại khoản 4, Điều 69 Luật bảo hiểm xã hội quy định : “...4. *Trường hợp người lao động chết mà không có thân nhân quy định tại [khoản 6 Điều 3 của Luật này](#) thì trợ cấp tuất một lần được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế...*”.. đối chiếu với trường hợp của bà Phạm Thị Nữ Tuyết M được BHXH Thành phố giải quyết hưởng chế độ tuất theo quyết định số 79 TT1L04066/QĐ-BHXH ngày 28/12/2017, tổng số tiền hưởng trợ cấp tuất một lần là 123.097.792 đồng được xác định là khoản tiền do BHXH chi trả cho người thân (thân nhân) của người lao động nên không thể xem đây là tài sản riêng của người lao động đã chết và không thuộc trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật thừa kế tại khoản 4, Điều 69 Luật bảo hiểm xã hội.

Tại Giấy đăng ký vay tiền kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/4/2016 chỉ một mình ông Nguyễn Thanh N ký với Ngân hàng TMCP Đ; không có điều khoản nào thể hiện mục đích ông N vay số tiền này phục vụ nhu cầu thiết yếu

của gia đình; toàn bộ số tiền vay được giải ngân theo hình thức chuyển vào tài khoản thẻ của ông N tại Ngân hàng TMCP Đ; Hội đồng xét xử nhận thấy đối chiếu theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì trường hợp này cũng không đủ cơ sở để buộc bà Phạm Thị Nữ Tuyết M thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ buộc bà Phạm Thị Nữ Tuyết M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ của ông Nguyễn Thanh N là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. *Về án phí* : căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 14 Điều 26, a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 612, khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự;

- Điều khoản 1, Điều 3; khoản 4 Điều 69 Luật bảo hiểm xã hội;

- Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử :

1. *Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ về việc* buộc bà Phạm Thị Nữ Tuyết M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ của ông Nguyễn Thanh N tạm tính đến ngày 26/9/2023 là 15.845.229 đồng, trong đó gồm nợ gốc 8.400.000 đồng, lãi trong hạn 350.000 đồng, lãi quá hạn 7.095.229 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2. *Về án phí* : án phí dân sự sơ thẩm là 792.261 đồng Ngân hàng TMCP Đ phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007964 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Ngân hàng TMCP Đ phải nộp thêm 492.261 đồng.

3. *Về quyền kháng cáo* : Ngân hàng TMCP Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị Nữ Tuyết M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Minh Thảo